

SỞ Y TẾ NINH BÌNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1535 /BVĐK-TCKT
V/v đính chính thư mời số
1440/BVĐK-TCKT ngày 27/10/2022

Ninh Bình, ngày 23 tháng 11 năm 2022

Kính gửi: Các công ty, đơn vị.

Ngày 27/10/2022, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình đã gửi Thư mời số 1440/BVĐK-TCKT về việc mời cung cấp báo giá, thẩm định giá máy xét nghiệm huyết học tự động. Tuy nhiên, sau khi rà soát lại Bệnh viện phát hiện có một số điểm chưa phù hợp xin được đính chính như sau:

STT	Nội dung cần đính chính trong thư mời số 1440/BVĐK-TCKT	Nội dung đính chính
1	- Độ chính xác ở chế độ máu toàn phần (CV): + WBC: $\leq 3\%$ + RBC: $\leq 2\%$ + HGB: $\leq 2\%$ + MVC: $\leq 3\%$	- Độ chính xác ở chế độ máu toàn phần (CV): + WBC: $\leq 3\%$ + RBC: $\leq 2\%$ + HGB: $\leq 2\%$ + MCV: $\leq 3\%$
2	- Chế độ phân tích: ≥ 4 chế độ (chế độ phân tích máu toàn phần, phân tích máu tiền pha loãng, phân tích bạch cầu thấp, phân tích dịch cơ thể)	- Chế độ phân tích: ≥ 3 chế độ (chế độ phân tích máu toàn phần, phân tích máu tiền pha loãng, phân tích bạch cầu thấp)

Ngoài các nội dung nêu trên mọi nội dung khác trong thư mời thư mời số 1440/BVĐK-TCKT vẫn được giữ nguyên không thay đổi.

(Có phụ lục chi tiết đính kèm)

Bệnh viện xin gia hạn thời gian cung cấp Báo giá, Thẩm định giá đến hết ngày 28/11/2022.

Thư mời này được đăng tải công khai trên Website của Bệnh viện và gửi cho các đơn vị có khả năng thực hiện hoặc có yêu cầu./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Phòng CTXH (để đăng tải);
- Lưu: VT, TCKT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Chu Thị Giang



PHU LỤC. TRANG THIẾT BỊ ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ, THẨM ĐỊNH GIÁ

(Kèm theo Thư mời số 1535 /BVĐK-TCKT ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình)

MÁY XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC TỰ ĐỘNG

1. Yêu cầu chung

- Tình trạng: mới 100%
- Năm sản xuất: 2022 trở về sau
- Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485
- Môi trường làm việc: nhiệt độ tối đa đến ≥ 25 độ C, độ ẩm tối đa đến $\geq 60\%$
- Tương thích nguồn điện: 220V/50Hz
- Phân nhóm (theo TT 14/2020/TTBYT): 3 (đối với máy chính)
- Số lượng: 02 cái

2. Yêu cầu cấu hình

- Máy chính: 01 cái
- Bộ máy vi tính điều khiển (riêng lẻ hoặc tích hợp trong máy chính): 01 bộ
- Máy in: 01 cái
- Bộ lưu điện online cho hệ thống: 01 cái
- Hóa chất chạy thử ban đầu: 01 bộ
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh, Việt: 01 bộ
- Đĩa/ USB cài đặt phần mềm: 01 bộ

3. Tính năng, thông số kỹ thuật

- Sử dụng ít nhất các nguyên lý, phương pháp, công nghệ đo sau:
 - + Phương pháp đo quang dùng để đếm tế bào.
 - + Phương pháp đo trở kháng để đếm tế bào.
 - + Phương pháp đo nồng độ hemoglobin không sử dụng Cyanide (xyanua).
 - + Công nghệ Laser, huỳnh quang.
- Công suất xét nghiệm tối đa: ≥ 100 mẫu/giờ (ở chế độ máu toàn phần CBC).
- Tối thiểu thực hiện được các loại xét nghiệm sau:

Từ viết tắt	Nghĩa tiếng Anh	Nghĩa tiếng Việt, chỉ số xét nghiệm
WBC	White Blood Cell	Số lượng bạch cầu có trong một lít máu toàn phần
RBC	Red Blood Cell	Số lượng hồng cầu có trong một lít máu toàn phần
HGB	Hemoglobin	Lượng huyết sắc tố có trong một lít máu toàn phần)
HCT	Hematocrit	Hematocrit (thể tích khối hồng cầu chiếm chỗ trong một lít máu toàn phần)

Từ viết tắt	Nghĩa tiếng Anh	Nghĩa tiếng Việt, chỉ số xét nghiệm
MCV	Mean Corpuscular Volume	Thể tích trung bình hồng cầu
MCH	Mean Corpuscular Hemoglobin	Lượng huyết sắc tố trung bình hồng cầu
MCHC	Mean Corpuscular Hemoglobin Concentration	Nồng độ huyết sắc tố trung bình hồng cầu
PLT	Platelet	Số lượng tiểu cầu có trong một lít máu toàn phần
RDW-SD	Red cell Distribution Width - Standard Deviation	Dải phân bố kích thước hồng cầu - Độ lệch chuẩn
RDW-CV	Red cell Distribution Width - Coefficient of Variation	Dải phân bố kích thước hồng cầu - Hệ số biến động
PDW	Platelet Distribution Width	Dải phân bố kích thước tiểu cầu
MPV	Mean Platelet Volume	Thể tích trung bình tiểu cầu
P-LCR	Platelet-Larger Cell Ratio	Tỷ lệ tiểu cầu có kích thước lớn
PCT	Plateletcrit	Thể tích khối tiểu cầu
NEUT#	Neutrophil	Số lượng bạch cầu trung tính
LYMPH#	Lymphocyte	Số lượng bạch cầu lympho
MONO#	Monocyte	Số lượng bạch cầu mono
EOSIN#	Eosinophil	Số lượng bạch cầu ưa axit
BASO#	Basophil	Số lượng bạch cầu ưa kiềm
NEUT%	Neutrophil	Tỷ lệ % của bạch cầu trung tính
LYMPH%	Lymphocyte	Tỷ lệ % của bạch cầu lympho
MONO%	Monocyte	Tỷ lệ % của bạch cầu mono
EOSIN%	Eosinophil	Tỷ lệ % của bạch cầu ưa axit
BASO%	Basophil	Tỷ lệ % của bạch cầu ưa kiềm
RET#	Reticulocyte	Số lượng hồng cầu lưới
RET%	Reticulocyte	Tỷ lệ % của hồng cầu lưới
IG#	Immature Granulocyte	Số lượng bạch cầu hạt chưa trưởng thành
IG%	Immature Granulocyte	Tỷ lệ % của bạch cầu hạt chưa trưởng thành
NRBC#	Nucleated red blood cells	Số lượng hồng cầu có nhân
NRBC%	Nucleated red blood cells	Tỷ lệ % của hồng cầu có nhân
PLT-F	Platelet-fluorescence	Số lượng tiểu cầu huỳnh quang
IPF#	Immature Platelet Fraction	Số lượng phần tiểu cầu chưa trưởng thành
IPF%	Immature Platelet Fraction	Tỷ lệ % của phần tiểu cầu chưa trưởng thành

- Độ chính xác ở chế độ máu toàn phần (CV):

- + WBC: $\leq 3\%$
- + RBC: $\leq 2\%$
- + HGB: $\leq 2\%$
- + MCV: $\leq 3\%$

- Có các cổng kết nối ngoại vi để kết nối với hệ thống LIS hai chiều; xem, lưu, in kết quả.

- Thể tích hút mẫu: chế độ máu toàn phần $\leq 175 \mu\text{L}$

- Chế độ phân tích: ≥ 3 chế độ (chế độ phân tích máu toàn phần, phân tích máu tiền pha loãng, phân tích bạch cầu thấp)

- Có khả năng nâng cấp, kết nối với hệ thống kéo nhuộm lam tự động.

4. Yêu cầu khác

- Lắp đặt, hướng dẫn sử dụng thiết bị tại Bệnh viện.

- Cung cấp đầy đủ Giấy chứng nhận xuất xứ CO, Giấy chứng nhận chất lượng CQ; bộ hồ sơ hải quan (gồm tờ khai, Bill, Packing list, invoice) (đối với hàng hóa nhập khẩu) và Giấy chứng nhận giám định thiết bị (Số lượng - Chung loại - Xuất xứ - Tình trạng) của cơ quan chức năng hoặc tài liệu tương đương.

- Có giấy phép lưu hành sản phẩm của Bộ Y tế hoặc Số lưu hành (đối với hàng hóa là thiết bị y tế sản xuất trong nước).

- Có giấy phép nhập khẩu của Bộ Y tế hoặc Số lưu hành hoặc tài liệu tương đương (đối với các thiết bị y tế nhập khẩu theo quy định).

- Có kết quả phân loại trang thiết bị y tế về mức độ rủi ro, được công bố trên cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế.

- Thời gian bảo hành: theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất nhưng không ít hơn 12 tháng kể từ ngày bàn giao nghiệm thu đưa vào sử dụng cho các lỗi thuộc về nhà sản xuất.

- Cam kết cung cấp đầy đủ phụ tùng, vật tư thay thế và các dịch vụ sau bán hàng khác trong vòng ít nhất là 10 năm kể từ khi bàn giao thiết bị.